

Số: /BC-STC

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO
Giá cả thị trường tháng 8 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính)

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Thực hiện Quyết định số 91/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và trên cơ sở báo cáo của các đơn vị Sở: Nông nghiệp và Môi trường¹, Xây dựng², Y tế³, Giáo dục và Đào tạo⁴, Thống kê Quảng Ngãi⁵, Công Thương⁶, UBND xã, phường⁷ và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá thị trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 8 NĂM 2026.

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ: Trong tháng 8 năm 2026 thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh chỉ tăng giảm nhẹ theo vụ mùa và nhu cầu tiêu dùng tại địa phương.

2. Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ: Do giá nhiên liệu tăng, giá vàng tăng kéo theo chi phí tăng dẫn đến một số mặt hàng tăng. Ngược lại, thực phẩm tươi sống giảm giá do dịch tả lợn Châu Phi bùng phát tại một số hộ chăn nuôi lợn ở địa phương; rau, củ giảm giá, nguyên

¹ Công văn số 10156/SNNMT-KTTC ngày 25/8/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về cung cấp thông tin giá thị trường đối với hàng hóa là lương thực, thực phẩm và vật tư nông nghiệp tháng 8 năm 2026;

² Công văn số 6753/SXD-KTVL ngày 26/8/2026 của Sở Xây dựng báo cáo giá hàng hóa tháng 8 năm 2026;

³ Công văn số 4864 /SYT-KHTC ngày 29/8/2026 của Sở Y tế cung cấp thông tin về giá viện phí tháng 8 năm 2026;

⁴ Công văn số 4025/SGDDT-TC ngày 19/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tổng hợp, phân tích giá thị trường tháng 8 năm 2026;

⁵ Công văn số /BC-TKT của Thống kê tỉnh báo cáo tình hình biến động giá tiêu dùng tháng 8 năm 2026;

⁶ Công văn số 5553/BC-SCT ngày 28/8/2026 của Sở Công Thương báo cáo giá thị trường khí dầu mỏ hóa lỏng tháng 8 năm 2026;

⁷ Công văn: số 499/BC-UBND ngày 18/8/2026 của UBND xã Thiện Tín; số 2085/UBND-TCCT ngày 27/8/2026 của UBND xã Tu Mơ Rông; số 2070.UBND-KT ngày 27/8/2026 của UBND xã Sơn Hà, số 366/BC-UBND ngày 28/8/2026 của UBND xã Dục Nông báo cáo giá thị trường tháng 8 năm 2026.

nhân chính dẫn đến giá rau, củ giảm là do thời vụ và nguồn cung từ các địa phương khác chuyển về khá phong phú, nhất là nguồn cung từ Đà Lạt.

3. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Quảng Ngãi: Theo số liệu của Thống kê tỉnh Quảng Ngãi trong tháng 8 năm 2026 tăng 0,60% so với tháng trước (*khu vực thành thị tăng 0,52%; khu vực nông thôn tăng 0,65%*). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng tăng giá, 4 nhóm hàng giảm giá so với tháng trước, gồm:

+ Nhóm hàng hóa tăng: Đồ uống thuốc lá +0,26%; May mặc, mũ nón, giày dép +0,10%; Nhà ở và vật liệu xây dựng +1,37%; Thiết bị và đồ dùng gia đình +0,27%; Giao thông +4,46%; Thông tin và truyền thông +0,34%; Hàng hóa và dịch vụ khác +0,04%.

+ Nhóm hàng hóa giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống -0,08% (*luong thực +0,25%, thực phẩm -0,11%, ăn uống ngoài gia đình -0,14%*); Thuốc và dịch vụ y tế -0,01%; Giáo dục -0,02%; Văn hóa, giải trí và du lịch -0,13%.

Tên mặt hàng	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 8 NĂM 2026 SO VỚI				Bình quân thời kỳ so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ năm gốc 2024	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
A	1	2	3	4	5
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	108,64	105,15	103,64	100,60	104,12
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	109,88	106,21	102,49	99,92	105,20
1. Lương thực	100,37	99,99	100,06	100,25	99,01
2. Thực phẩm	108,29	105,46	99,58	99,89	104,81
3. Ăn uống ngoài gia đình	116,68	109,86	109,30	99,86	108,23
II. Đồ uống và thuốc lá	105,53	103,55	103,42	100,26	102,60
III- May mặc, mũ nón, giày dép	104,97	103,59	102,83	100,10	102,19
IV- Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	109,71	103,99	106,63	101,37	102,65
V- Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,06	103,99	103,14	100,27	103,32
VI- Thuốc và dịch vụ y tế	111,48	100,80	100,52	99,99	100,66
59/ Dịch vụ y tế	114,17	100,02	100,00	100,00	100,03
VII- Giao thông	105,49	109,33	109,84	104,46	106,08
VIII- Thông tin và truyền thông	99,44	100,66	100,94	100,34	99,37
IX- Giáo dục	108,12	105,50	101,06	99,98	105,93
70/ Dịch vụ giáo dục	109,05	106,30	101,31	100,05	106,51
X- Văn hóa, giải trí và du lịch	107,87	103,22	103,74	99,87	103,01
XI- Hàng hóa và dịch vụ khác	111,82	104,48	103,53	100,04	103,55
Chỉ số vàng	159,69	116,33	95,76	99,09	150,21
Chỉ số giá đô la Mỹ	104,99	99,83	99,87	99,65	101,35

4. Thống kê mức giá hàng hóa dịch vụ (*Bảng Phụ lục đính kèm*)

II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU

Diễn biến giá thị trường tháng 8 năm 2026 tăng, giảm so với tháng 7 năm 2026, như sau:

- Các mặt hàng lương thực, thực phẩm tươi sống có biến động tăng, giảm như: Thóc tẻ 7.300 đồng/kg; gạo tẻ 15.600 đồng/kg; thịt lợn hơi 61.500 đồng/kg (giảm 3.500 đồng/kg); thịt nạt thăn 130.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg); thịt bò thăn 235.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg); thịt bò bắp 210.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg), gà ta 140.000 đồng/kg; gà công nghiệp 95.000 đồng/kg; cá quả 90.000 đồng/kg; cá chép 75.00 đồng/kg; tôm thẻ chân trắng 145.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); bắp cải trắng 19.000 đồng/kg (giảm 1.500 đồng/kg); cải xanh 19.000 đồng/kg (giảm 1.500 đồng/kg); bí xanh 18.000 đồng/kg; cà chua 28.500 đồng/kg (giảm 1.500 đồng/kg); giò lụa 160.000 - 180.000 đồng/kg; đường trắng 23.000 đồng/kg (tăng 2.500 đồng/kg);...

- Giá vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi tăng so với tháng trước: Phân Ure Phú Mỹ 13.300 đồng/kg, Phân DAP 18-46-0 Korea 28.700 đồng/kg; NPK 20-20-15+TE Phú Mỹ 19.900 đồng/kg; thức ăn thủy sản 34.200 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp cho heo thịt 355.200 đồng/bao/25kg (tăng 200 đồng/bao); thức ăn hỗn hợp cho bò thịt, bò vỗ béo 250.160 đồng/bao/25kg; thức ăn gà thịt 335.160 đồng/bao/25kg; thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng 345.160 đồng/bao/40kg.

- Vật liệu xây dựng và giao thông: Xi măng PCB30 bao 50kg 89.350 đồng/bao; xi măng PCB40 bao 50kg 88.900 đồng/bao; xi măng PCB 50 bao 50kg giá từ đến 100.450 đồng/bao; thép cuộn D6, D8 14.650 đồng/kg; thép vằn D10, 15.100 đồng/kg; thép góc 20.237 đồng/kg; cát xây 265.270 đồng/m³; cát vàng giá 271.208 đồng/m³; gạch xây 1.797 đồng/viên; trông giữ xe máy 2.000 đồng/chiếc; xe ô tô 10.000 đồng/chiếc; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi 14.000 đồng/km; dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định đường bộ tuyến Quảng Ngãi đi Thành phố Hồ Chí Minh là 460.000 đồng/người/chuyến.

- Khí dầu mỏ hóa lỏng 12kg/bình giá 566.752 đồng/bình (tăng 46.085 đồng/bình);

- Dịch vụ y tế tháng 8 năm 2026 không biến động so với tháng 7 năm 2026.

- Dịch vụ giáo dục: thực hiện theo Nghị quyết 32/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ TRONG THÁNG 8 NĂM 2026

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá trong tháng 8 năm 2026 không phát sinh.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá trong tháng 8 năm 2026 trên địa bàn tỉnh không phát sinh.

3. Công tác định giá của địa phương: không phát sinh định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.

4. Tình hình thực hiện kê khai giá:

Trong tháng 8 năm 2026 Sở Tài chính tiếp nhận 17 hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá.

5. Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá: Trong tháng 8 năm 2026 không có phát sinh công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

- Tháng 9 nguồn cung các nhóm hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng; tuy nhiên, giá thịt gia súc, gia cầm, hải sản tươi sống, rau củ có thể dao động tăng, giảm nhẹ, nguyên do:

+ Tình hình dịch tả lợn Châu Phi ở địa phương đang bùng phát tại một số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ các xã, phường làm ảnh hưởng đến việc sử dụng thịt heo của một số người dân e ngại. Vì vậy, dự báo giá heo tháng 9 không tăng.

+ Rau củ có thể tăng, giảm theo vùng ở địa phương.

- Giá vàng, giá các mặt hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng dao động theo giá cả thị trường Thế giới và trong nước.

V. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP ĐIỀU TIẾT GIÁ

Các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu thường xuyên theo dõi cập nhập thông tin diễn biến cung, cầu, giá cả thị trường thuộc lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh; tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát, giám sát thị trường đối với các lĩnh vực về giá, kê khai giá, niêm yết giá và công khai thông tin về giá.

Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Các Sở: Y tế, NN&MT, XD, GDĐT, CT;
- Thống kê tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Sở Tài chính:
- + GD và các PGD Sở;
- + Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, QLGCs(lien).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Nam